TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 08-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Sằn

Ông Lương Văn Tân

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2019/TLST-HS, ngày 18 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1970 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; có vợ Nguyễn Thị T4 và 04 con; tiền án: Ngày 02/11/2016 Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 21 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tiền sự: Không; nhân thân: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh đưa đi cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 209/QĐ-UBND, ngày 02/02/2010; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2019; có mặt.

2. Lê Quyết T1, sinh ngày 09/10/1953 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị T5; có vợ Nguyễn Thị N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý hình sự; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2019; có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:
1. Bà Nguyễn Thị N; vắng mặt.
2. Anh Hoàng Tuấn A; văng mặt;
3. Chị Hoàng Thị C1; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khi học lớp bổ túc văn hóa tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh, Lê Quyết T1 có quen một người đàn ông tên là Minh, dân tộc Hoa. Đến ngày 17/02/1979 do chiến tranh biên giới Việt-Trung, Minh phải về Trung Quốc, trước khi về nước Minh đã tặng cho Lê Quyết T1 một khẩu súng K54 và 27 viên đạn để làm kỷ niệm, còn T1 tặng cho Minh một chiếc đồng hồ đeo tay. Kể từ đó T1 và Minh không còn liên lạc với nhau nữa. Sau khi được Minh tặng khẩu súng K54 và 27 viên đạn, T1 đem về nhà cất giấu. Đến năm 1993, trong một lần mang súng ra lau thì Trần Văn T có nhìn thấy và hỏi T1 thì được T1 cho biết là do làm dân quân nên có.

Năm 2016 Trần Văn T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên thuộc Bộ Công an. Trong thời gian chấp hành án, T có quen Hoàng Tuấn A, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và cho nhau số điện thoại. Đến đầu năm 2018 sau khi Tuấn A và T đều chấp hành xong hình phạt tù, cả hai gọi điện hỏi thăm nhau Tuấn A bảo T lên Lạng Sơn chơi rồi giới thiệu cho một người phụ nữ tên là Phượng, không rõ họ, tuổi, địa chỉ để T liên lạc.

Ngày 14/7/2019 Trần Văn T nhận được điện thoại của Phượng gọi từ số thuê bao 0372006108, Phượng hỏi T xem ai có súng bán thì đem lên Lạng Sơn bán cho Phượng, Phượng sẽ trả 10.000 NDT (khoảng 30 triệu đồng) 01 khẩu súng. T đồng ý và nói khi nào có sẽ thông báo sau.

Ngày 22/7/2019 T gọi điện cho Lê Quyết T1 hỏi còn khẩu súng không, có người đang muốn tìm mua, nếu đồng ý T sẽ đem sung đi bán cho với giá là 10.000NDT. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T1 đem khẩu súng K54 và 27 viên đạn đến nhà T tại Thôn T, xã T, huyện T và cùng T kiểm tra súng. Do chưa gặp chủ mua súng nên T1 đem súng và đạn về bè của mình và dặn T cố gắng bán được 30.000.000đ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T điện thoại cho Phượng thông báo đã tìm được người có súng bán, Phượng bảo T sáng 23/7/2019 đem lên Lạng Sơn để bán cho Phượng. Sau đó T đi xe máy đến bè của T1 thì gặp T1 ở ngoài đường, tại đây T1 đưa cho T 01 khẩu súng và 27 viên đạn đem về nhà cất giấu.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/7/2019 sau khi nhận điện thoại của Phượng bảo đem súng lên Lạng Sơn, T đã bắt xe khách và đem theo khẩu súng K54 và 27 viên đạn lên thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc. Đến khoảng 14 giờ 20 phút ngày 23/7/2019 Phượng điện thoại bảo T đến nhà nghỉ Bình Gia 2, thuộc khu Ga, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, khi T vừa đến nhà nghỉ Bình Gia 2 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Qua lời khai của Trần Văn T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Quyết T1, thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 5 màu đen.

Tại Bản kết luận giám định số 210/KLGĐ-PC 09 ngày 25/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *"Khẩu súng gửi giám định là khẩu súng quân dụng K54, hiện tại khẩu súng này vẫn có thể sử dụng để bắn được; hộp tiếp đạn bằng kim loại gửi giám định là hộp tiếp đạn của súng K54; 27 viên đạn gửi giám định đều là đạn quân dụng cỡ 7,62mm x 25mm"*

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS-P1 ngày 12/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng", truy tố Lê Quyết T1 về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo Khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Trần Văn T về tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng" và Lê Quyết T1 về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 24 đến 30 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự, Điểm s, Điểm v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quyết T1, xử phạt bị cáo Lê Quyết T1 từ 24 đến 30 tháng tù.

Phạt bổ sung đối với mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nilon màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ hộp thuốc nhãn hiệu TRANKAL; 01 (một) mảnh vải màu ghi; 01 (một) đoạn giấy vệ sinh màu trắng và 01 (một) túi nilon màu đỏ đã qua sử dụng. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu hồng, mặt sau có chữ Designed by vivo, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 866580036699613, số IMEI 2: 866580036699605, bên trong có 02 sim điện thoại số 0368992040 và 0837973886; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu đen, cũ, số IMEI 990002849927643, bên trong có một sim mạng Viettel, số thuê bao 0977325058. Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) ví giả da màu đen, cũ; 01 (một) chứng minh nhân dân (số bị mờ) mang tên Trần Văn T, sinh ngày 13/7/1970 do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/8/2008; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK có ký hiệu 9704 0507 1030 1750 tên TRAN VAN T; 01 (một) cục sạc tích điện màu tím than có chữ MAXCO, đã qua sử dụng; 01 (một) dây sạc điện thoại và 01 (một) dây tai nghe điện thoại có chữ VIVO. Xác nhận Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn 01 (một) khẩu súng quân dụng K54 số hiệu N012435 + hộp tiếp đạn và 25 viên đạn quân dụng cỡ 7,62mmx25mm.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận về hành vi phạm tội; đều tỏ ra hối hận về việc làm của bản thân và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Ngày 23/7/2019 bị cáo Trần Văn T đã có hành vi cất giấu một khẩu súng K54 và 27 viên đạn quân dụng để bán. Khẩu súng K54 và 27 viên đạn nay là của Lê Quyết T1 có được từ năm 1979, đến ngày 22/7/2019 T1 đưa cho T khẩu súng K54 và 27 viên đạn để đem lên Lạng Sơn bán lấy số tiền 30.000.000đ. Khi T chưa kịp giao dịch để bán thì bị Công an bắt quả tang.

[3] Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng", bị cáo Lê Quyết T1 phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo Khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ khả năng để nhận thức việc tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng dưới bất kỳ hình thức nào đều là trái với quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước, xâm phạm an toàn trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[5] Xét về nhân thân: Đối với Trần Văn T, ngày 02/02/2010 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc; Ngày 02/11/2016 Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 21 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", lần phạm tội này của bị cáo T là tái phạm.

[6] Đối với bị cáo Lê Quyết T1 là thành phần nhân dân lao động, tiền án, tiền sự không có, nên được xác định có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các

bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Bản thân bị cáo Lê Quyết T1 là người có thành tích xuất sắc được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh tặng giấy khen trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm (2000-2004) và trong việc tham gia điều tra, xác minh, xử lý vụ việc người Trung Quốc nhập cảnh vào khai thác, thu mua hải sản trái phép trên địa bàn huyện T, ngày 28/5/2012. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm v Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T1 có bố đẻ là ông Lê Văn C được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba, Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Quyết T1 không có tình tiết tăng nặng; bị cáo Trần Văn T có tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, các bị cáo đều biết rõ tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong đó bị cáo Trần Văn T là người đặt vấn đề đem súng, đạn đi bán cho người khác để bán kiếm tiền và trực tiếp đem súng và đạn từ huyện T, tỉnh Quảng Ninh sang thị trấn Đồng Đăng để bán. Bị cáo Lê Quyết T1 là người có hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng không giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền; khi được bị cáo T hỏi đem súng, đạn đi bán thì bị cáo T1 đã đồng ý và đem súng, đạn cho bị cáo T để đem bán trái phép kiếm tiền. Bị cáo Lê Quyết T1 có 02 hành vi trong cấu thành tội phạm này, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo Trần Văn T là người có nhân thân xấu, có 01 tình tiết tăng nặng nên hình phạt của các bị cáo sẽ tương đương nhau.

[11] Xét nguyên nhân hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có khả năng thi hành hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để đảm bảo tính răn đe và giáo dục đối với các bị cáo

[13] Đối với người phụ nữ tên Phượng theo lời khai của bị cáo T là người đặt vấn đề mua bán súng, đạn với T. Do T không biết họ, tuổi, địa chỉ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhận dạng nhưng không có kết quả nên không có cơ sở để xử lý.

[14] Đối với Hoàng Tuấn A là người mà bị cáo T khai nhận do Tuấn A giới thiệu nên quen biết Phượng, tuy nhiên Tuấn A khẳng định không được giới thiệu và cho T số điện thoại của người phụ nữ tên Phượng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả, do vậy không đủ cơ sở chứng minh Hoàng Tuấn A liên quan đến vụ án.

[15] Về xử lý vật chứng gồm có: Đối với 01 (một) túi nilon màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ hộp thuốc nhãn hiệu TRANKAL; 01 (một) mảnh vải màu ghi; 01 (một) đoạn giấy vệ sinh màu trắng và 01 (một) túi nilon màu đỏ đã qua sử dụng. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu hồng, mặt sau có chữ Designed by vivo, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 866580036699613, số IMEI 2: 866580036699605, bên trong có 02 sim điện thoại số 0368992040 và 0837973886; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu đen, cũ, số IMEI 990002849927643, bên trong có một sim mạng Viettel, số thuê bao 0977325058. Xét thấy đây là phương tiện liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước theo Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.Đối với 01 (một) ví giả da màu đen, cũ; 01 (một) chứng minh nhân dân (số bị mờ) mang tên Trần Văn T, sinh ngày 13/7/1970 do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/8/2008; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK có ký hiệu 9704 0507 1030 1750 tên TRAN VAN T; 01 (một) cục sạc tích điện màu tím than có chữ MAXCO, đã qua sử dụng; 01 (một) dây sạc điện thoại và 01 (một) dây tai nghe điện thoại có chữ VIVO. Xét thấy không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Trần Văn T theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[17] Đối với 01 (một) khẩu súng quân dụng K54 số hiệu N012435 + hộp tiếp đạn và 25 viên đạn quân dụng cỡ 7,62mmx25mm. Ngày 21/8/2019, Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn để bảo quản vật chứng. Xét thấy đây là vũ khí quân dụng, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao khẩu súng K54 và 25 viên đạn cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo thẩm quyền.

[18] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[19] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 304; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 304; Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Quyết T1;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng"; bị cáo Lê Quyết T1 phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tình từ ngày 23/7/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Quyết T1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tình từ ngày 23/7/2019.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đối với bị cáo Trần Văn T; Phạt tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đối với bị cáo Lê Quyết T1.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nilon màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ hộp thuốc nhãn hiệu TRANKAL; 01 (một) mảnh vải màu ghi; 01 (một) đoạn giấy vệ sinh màu trắng và 01 (một) túi nilon màu đỏ đã qua sử dụng.

Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu hồng, mặt sau có chữ Designed by vivo, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 866580036699613, số IMEI 2: 866580036699605, bên trong có 02 sim điện thoại số 0368992040 và 0837973886; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu đen, cũ, số IMEI 990002849927643, bên trong có một sim mạng Viettel, số thuê bao 0977325058.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) ví giả da màu đen, cũ; 01 (một) chứng minh nhân dân (số bị mờ) mang tên Trần Văn T, sinh ngày 13/7/1970 do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/8/2008; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK có ký hiệu 9704 0507 1030 1750 tên TRAN VAN T; 01 (một) cục sạc tích điện màu tím than có chữ MAXCO, đã qua sử dụng; 01 (một) dây sạc điện thoại và 01 (một) dây tai nghe điện thoại có chữ VIVO.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2019).

Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn xử lý theo thẩm quyền đối với 01 (một) khẩu súng quân dụng K54 số hiệu N012435 + hộp tiếp đạn và 25 viên đạn quân dụng cỡ 7,62mmx25mm. *(Ngày 21/8/2019, Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn để bảo quản vật chứng)*

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Lê Quyết T1 mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an H.Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H.Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Đức Chính